



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

BẢN TIN SỐ 1534

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(TỪ NGÀY 02/12/2025 ĐẾN NGÀY 08/12/2025)

AI THI TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

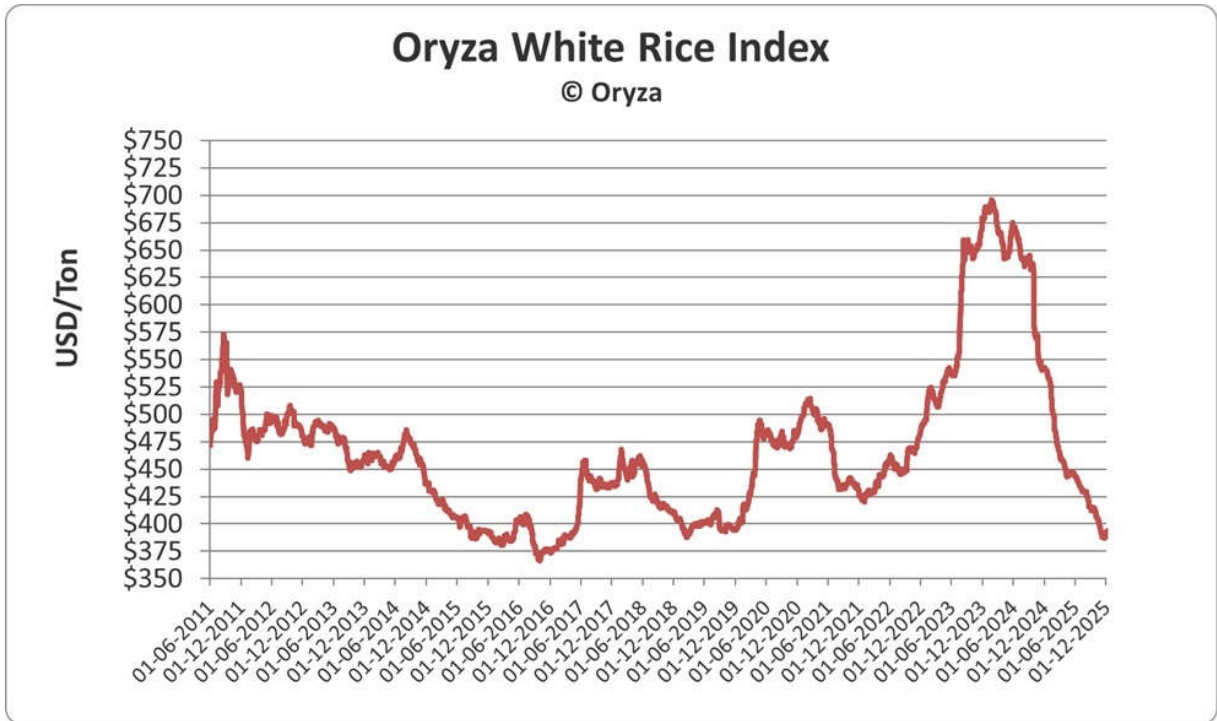
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	02 – 12		03 – 12		04 – 12		05 – 12	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	370	374	370	374	370	374	375	379
	5% tấm	360	364	360	364	360	364	365	369
	25% tấm	345	349	345	349	346	350	347	351
	Hom Mali 92%	1073	1077	1074	1078	1081	1085	1086	1090
	Gạo đỏ 100% Stxd	377	381	377	381	378	382	379	383
	A1 Super	325	329	325	329	326	330	327	331
VIỆT NAM	5% tấm	362	366	362	366	362	366	362	366
	25% tấm	340	344	340	344	341	345	341	345
	Gạo thơm 5% tấm	435	460	435	460	435	460	435	460
	Jasmine	453	457	453	457	453	457	454	458
	100% tấm	314	318	314	318	314	318	314	318
ẤN ĐỘ	5% tấm	344	348	344	348	344	348	346	350
	25% tấm	330	334	330	334	330	334	331	335
	Gạo đỏ 5% Stxd	349	353	349	353	349	353	349	353
	100% tấm Stxd	304	308	304	308	304	308	304	308
PAKISTAN	5% tấm	347	351	346	350	346	350	345	349
	25% tấm	324	328	323	327	323	327	323	327
	100% tấm Stxd	356	360	356	360	356	360	314	318
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	330	334	330	334	330	334	330	334
MỸ	4% tấm	563	567	563	567	563	567	563	567
	15% tấm (Sacked)	568	572	568	572	568	572	568	572
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	876	880	876	880	876	880	876	880

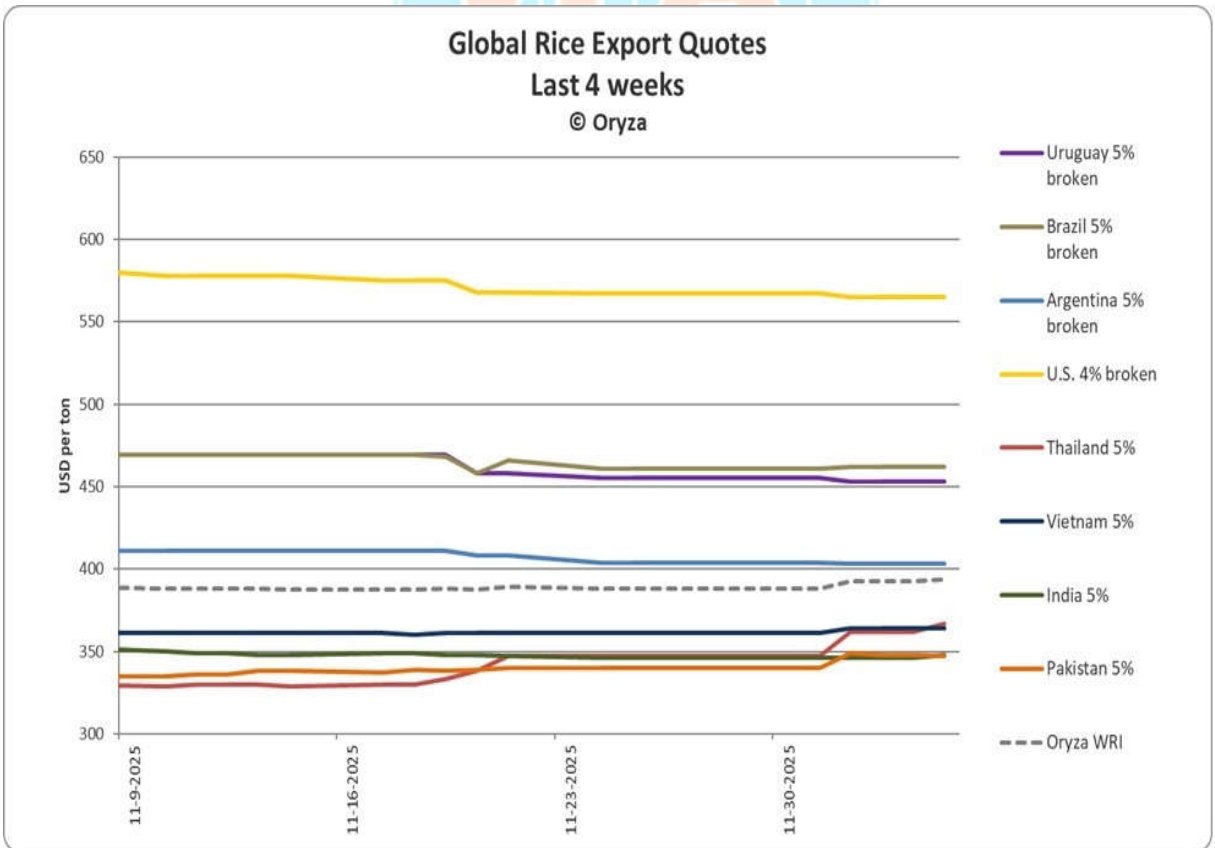
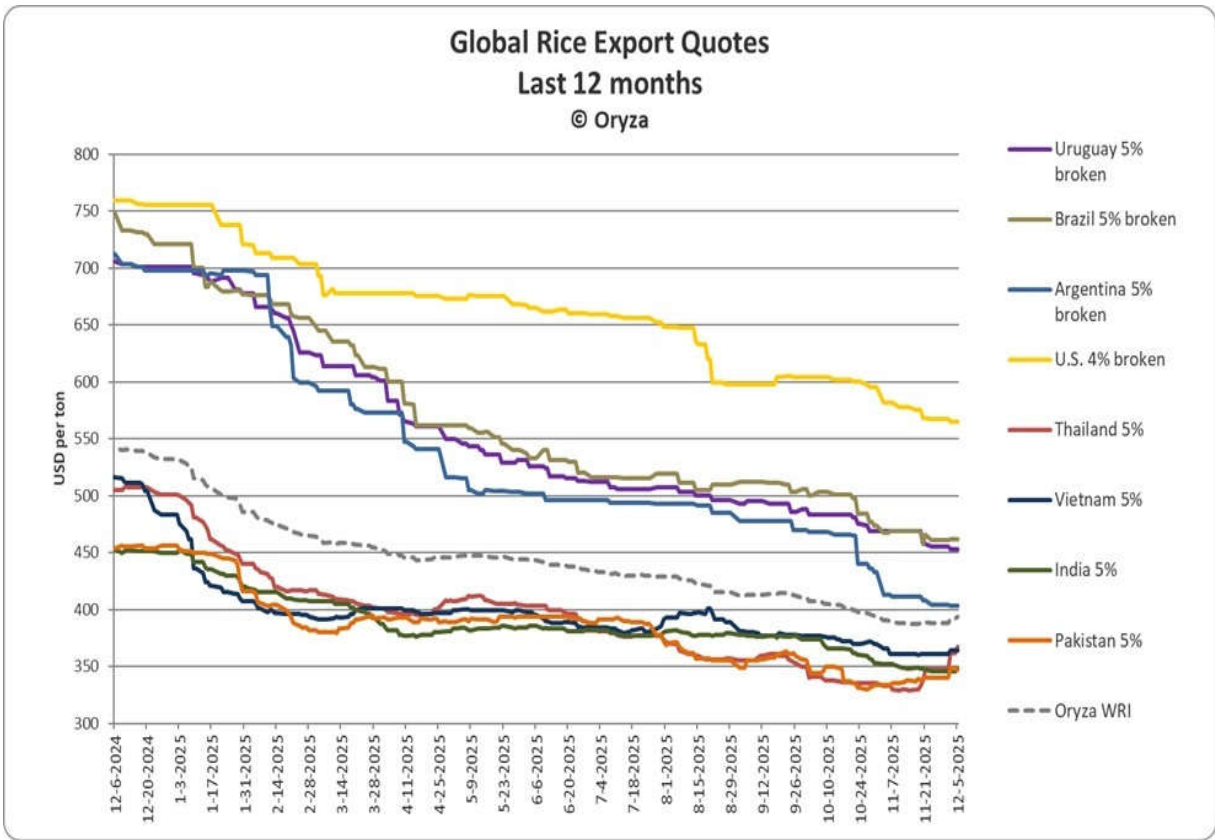
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

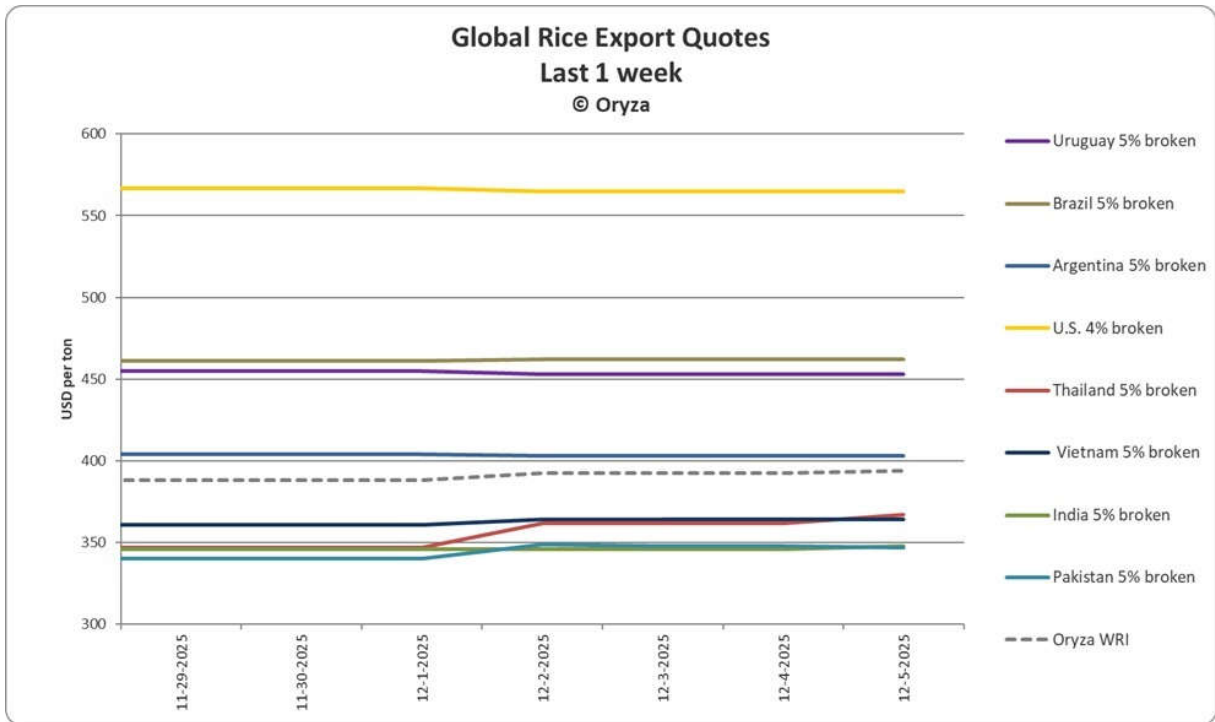
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 394 USD/tấn, giảm 5 USD/tấn so với tuần trước và so với tháng trước giảm 3 USD/tấn, giảm 148 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Theo Báo cáo tóm tắt cung cầu ngũ cốc mới nhất của FAO (tháng 12 năm 2025), dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025/26 được điều chỉnh tăng lên 558,8 triệu tấn, chủ yếu nhờ triển vọng mùa vụ được cải thiện tại Indonesia, cùng với mức tăng thêm ở Bangladesh và Nhật Bản. So với cùng kỳ năm trước, sản lượng tăng tại khu vực châu Á và Brazil đã bù đắp cho mức giảm ở Madagascar, Nepal, Pakistan, Thái Lan và Hoa Kỳ. Nguồn cung dồi dào dự kiến sẽ nâng mức tiêu thụ gạo toàn cầu lên mức kỷ lục 552,7 triệu tấn, trong khi dự trữ được dự báo tăng lên 216,8 triệu tấn, giữ cho tỷ lệ tồn kho/tiêu thụ ổn định ở mức 38,7%. Thương mại gạo toàn cầu năm 2026 được dự báo đạt 61,2 triệu tấn, thấp hơn một chút so với năm 2025 do nhu cầu nhập khẩu giảm tại một số khu vực châu Á, mặc dù nguồn cung xuất khẩu trên thị trường vẫn dồi dào.

Theo Báo cáo Cập nhật Giá Gạo của FAO, giá gạo thế giới tiếp tục giảm trong tháng 11/2025, với Chỉ số giá gạo toàn cầu của FAO giảm 1,5% xuống mức thấp nhất kể từ năm 2017 — giảm khoảng 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Sự sụt giảm này chủ yếu do giá gạo Indica và gạo thơm yếu hơn, trong khi các chủng loại Japonica và nếp lại tăng do nhu cầu cao hơn từ Trung Quốc. Biến động giá tại châu Á khá trái chiều: Thái Lan và Pakistan ghi nhận mức phục hồi nhẹ, nhưng giá gạo Ấn Độ và Việt Nam giảm do lúa vụ mới bắt đầu xuống giống và do bất ổn chính sách tại Philippines. Giá xuất khẩu của hầu hết các nước cung cấp lớn hiện đang thấp hơn 20 - 40% so với năm trước, và mức giá trung bình năm 2025 giảm mạnh so với năm 2024. Tại

khu vực châu Mỹ, giao dịch trầm lắng, tiếp tục giá ở mức thấp, dù việc bán gạo sang Iraq đã hỗ trợ giá gạo hạt dài của Hoa Kỳ.

Malaysia

Cập nhật mới nhất của Hệ thống Thông tin và Cảnh báo sớm Toàn cầu về Lương thực và Nông nghiệp (FAO GIEWS) cho thấy sản lượng lúa của Malaysia năm 2025 dự kiến đạt 2,2 triệu tấn, thấp hơn mức trung bình chút ít do mưa lớn và lũ lụt cuối năm 2024 làm gián đoạn việc gieo trồng, đặc biệt tại bán đảo Malaysia. Năng suất năm 2026 cũng được cảnh báo có nguy cơ giảm do lượng mưa thấp hơn trung bình.

Do sản lượng ngũ cốc trong nước chỉ đáp ứng khoảng một phần tư nhu cầu, Malaysia sẽ tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Nhập khẩu gạo được dự báo đạt 1,4 triệu tấn trong năm 2025, trong khi tổng lượng nhập khẩu ngũ cốc niên vụ 2025/26 dự kiến đạt 7,2 triệu tấn.

Mặc dù không ghi nhận dấu hiệu về tăng giá gạo, mức phụ thuộc lớn vào nguồn cung bên ngoài cùng với các rủi ro thời tiết vẫn tiếp tục gây lo ngại về an ninh lương thực của Malaysia. Chính phủ hiện đang tập trung ổn định nguồn cung thông qua việc cải thiện hệ thống tưới tiêu, hỗ trợ gieo trồng vụ 2026, và theo dõi chặt chẽ các tác động khí hậu.

Bangladesh

Bangladesh đã mở phiên đấu thầu quốc tế mới để mua 50.000 tấn gạo đồ phi basmati, với thời hạn nộp chào giá đến ngày 15/12 và hiệu lực chào giá đến ngày 29/12. Hàng sẽ được giao đến Chittagong và Mongla trong vòng 40 ngày kể từ khi trúng thầu.

Phiên đấu thầu này được đưa ra sau hai đợt đấu thầu 50.000 tấn khác trong tháng 12, sau nhiều đợt đấu thầu trong tháng 11. Động thái tăng cường mua vào diễn ra trong bối cảnh gạo tiếp tục là yếu tố chính thúc đẩy lạm phát lương thực của Bangladesh, chiếm gần một nửa áp lực giá lương thực trong tháng 10, ngay cả khi nguồn cung vụ Aman cải thiện, tăng lượng nhập khẩu, và mua dự trữ của Chính phủ tăng, lạm phát lương thực đã giảm xuống 7,08%, so với 12,66% cùng kỳ năm trước.

Indonesia

Theo Reuters, trích dẫn số liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Indonesia (BPS), ước tính sẽ sản xuất 34,79 triệu tấn gạo vào năm 2025, tăng gần 14% so với cùng kỳ năm trước; dự báo trước đó là 34,77 triệu tấn.

Tuy nhiên, theo báo cáo mới nhất của USDA, sản lượng gạo của Indonesia trong niên vụ 2025/26 được dự báo sẽ giảm, do chuyển đổi đất nông nghiệp, áp lực sâu bệnh và lượng mưa quá mức làm giảm diện tích thu

hoạch và năng suất, khiến sản lượng gạo xay xát giảm xuống còn 33,4 triệu tấn. Nhập khẩu gạo sẽ tiếp tục bị kiểm soát chặt chẽ, khi Bulog không được phép nhập khẩu và chỉ đưa vào lượng nhỏ gạo đặc sản thông qua khu vực tư nhân; do đó, nhập khẩu chỉ tăng nhẹ lên 750.000 tấn. Tiêu thụ dự kiến giảm nhẹ nhờ các chương trình bình ổn giá và hỗ trợ xã hội bổ sung nhu cầu cho các hộ gia đình.

Tồn kho gạo, vốn tăng mạnh trong niên vụ 2024/25 nhờ thu mua lớn, dự báo sẽ giảm 21% trong năm 2025/26 khi sản lượng suy yếu và nhập khẩu vẫn hạn chế. Giá gạo tiếp tục duy trì ở mức cao ở cả hộ nông dân lẫn bán lẻ, bắt chấp các biện pháp can thiệp, phản ánh tình trạng nguồn cung khan hiếm và những hạn chế trong khâu phân phối.

Bulog đã vượt mục tiêu thu mua năm 2025, tiếp tục củng cố vai trò trong các chương trình bình ổn thị trường và an sinh xã hội. Nhìn chung, chính sách của Chính phủ Indonesia vẫn tập trung vào tự cung tự cấp lương thực, kiểm soát nhập khẩu, duy trì dự trữ lớn, cùng các biện pháp bình ổn giá và hỗ trợ phúc lợi.

Philippines

Philippines dự kiến giảm mạnh nhu cầu nhập khẩu gạo trong quý I/2026 sau khi các đợt khảo sát thực địa mới nhất xác nhận sản xuất trong nước khả quan hơn dự kiến, mặc dù cuối năm 2025 vừa chịu ảnh hưởng của các cơn bão. Khi Chính phủ chuẩn bị dỡ bỏ lệnh tạm ngừng nhập khẩu kéo dài bốn tháng vào đầu tháng 1, hoạt động nộp hồ sơ nhập khẩu sẽ được nối lại, nhưng khối lượng nhập khẩu sẽ thấp hơn nhiều nhờ khả năng phục hồi tốt hơn tại các vùng trồng lúa trọng điểm, khả năng ứng phó thiên tai được cải thiện và dự báo sản lượng lúa năm 2025 đạt 19,61–19,89 triệu tấn, gần bằng mức kỷ lục năm 2023 và cao hơn nhiều so với năm 2024.

Các nhà chức trách Philippines nhấn mạnh chiến lược nhập khẩu thời gian tới sẽ ưu tiên an ninh lương thực và đa dạng hóa nguồn cung, đồng thời cảnh báo các nhà xuất khẩu không lợi dụng nhu cầu mua của Philippines để đẩy giá. Điều kiện nhập khẩu cập nhật sẽ sớm được ban hành nhằm bảo vệ giá lúa tại ruộng, hạn chế nhập khẩu mang tính "chèn ép" thị trường và đảm bảo nông dân được hưởng lợi từ triển vọng sản xuất trong nước đang cải thiện.

Hàn Quốc

Theo Reuters, Tổng Công ty Thương mại Nông – Thủy sản & Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC) đã mở thầu mua 58.244 tấn gạo, gồm 56.944 tấn gạo lứt hạt ngắn từ Trung Quốc và 1.300 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan. Thời

hạn nộp chào giá là ngày 11/12, và các lô hàng dự kiến sẽ đến Hàn Quốc trong giai đoạn từ 15/2 đến 30/6/2026.

Trong một thông tin khác, KAFTC đã mua 20.700 tấn gạo trong đợt thầu hạn ngạch thuế quan lần thứ sáu năm 2025 (kết thúc ngày 5/11/2025). Phần lớn lượng mua đến từ Việt Nam, gồm bốn lô 5.000 tấn gạo hạt dài, giá từ 328,36–344,86 USD/tấn; trong khi Thái Lan cung cấp một lô nhỏ 500 tấn với mức giá cao hơn nhiều, 1.046 USD/tấn. Mặc dù cơ quan này dự kiến mua 78.744 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan trong đợt thầu này, cuối cùng chỉ 20.700 tấn được chốt mua.

Theo FAO, sản lượng gạo năm 2025 của Hàn Quốc dự báo đạt 4,715 triệu tấn, giảm 1,4% so với năm trước và thấp hơn mức trung bình 5 năm, chủ yếu do diện tích gieo trồng giảm khi nông dân chuyển sang cây trồng khác trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ gạo trong nước giảm. Thời tiết nhìn chung thuận lợi cho sinh trưởng của cây lúa, nhưng mưa lớn trái mùa vào tháng 9 và đầu tháng 10 đã làm gián đoạn thu hoạch tại nhiều khu vực phía tây, gây lo ngại về chất lượng và tổn thất sau thu hoạch.

Hàn Quốc sẽ tiếp tục phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, với nhu cầu nhập khẩu ngũ cốc niên vụ 2025/26 ước đạt 17 triệu tấn, và nhu cầu nhập khẩu gạo khoảng 370.000 tấn, do nước này là nhà nhập khẩu ròng gạo mang tính cơ cấu. Mặc dù an ninh lương thực được đánh giá là ổn định nhờ sức mua mạnh và hệ thống nhập khẩu hiệu quả, việc giảm diện tích canh tác, rủi ro thời tiết và phụ thuộc vào thị trường thế giới cho thấy những điểm yếu cần được theo dõi chặt chẽ.

Nhật Bản

Theo báo cáo mới nhất của USDA, sản lượng gạo của Nhật Bản trong niên vụ 2025/26 dự kiến tăng 3,4% lên 7,54 triệu tấn, do nông dân mở rộng diện tích trồng lúa và chuyển sang trồng lúa nhằm tận dụng giá cao, khiến sản lượng gạo làm thức ăn chăn nuôi giảm mạnh.

Tuy nhiên, tiêu thụ gạo tiếp tục xu hướng giảm trong dài hạn, dự kiến giảm 2,5% xuống còn 7,9 triệu tấn, khi giá cao làm giảm nhu cầu cả đối với gạo và gạo làm thức ăn chăn nuôi. Giá bán lẻ gạo đạt mức cao kỷ lục trong giai đoạn 2024–25, bất chấp việc chính phủ tung ra lượng lớn dự trữ, do giá thu mua tại ruộng tăng mạnh và sự cạnh tranh nguồn cung gay gắt.

Với sản lượng nội địa cải thiện, nhập khẩu gạo được dự báo giảm xuống 760.000 tấn, sau một năm chứng kiến lượng nhập khẩu tư nhân tăng bất thường và hạn ngạch cơ chế đấu thầu nhập khẩu nội địa (SBS) được hoàn thành nhanh chóng, trong đó gạo Mỹ chiếm thị phần lớn nhất. Xuất khẩu

dự kiến phục hồi lên 90.000 tấn nhờ nổi lại các chương trình viện trợ lương thực và nhu cầu thương mại ổn định.

Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng mạnh lên 1,79 triệu tấn, do sản lượng tăng và tiêu thụ yếu, sau khi dự trữ chính phủ đã giảm đáng kể trong tình trạng thiếu hụt năm 2024.

Nhìn chung, chính sách gạo của Nhật Bản tập trung ổn định giá, thực hiện cam kết hạn ngạch thuế quan (TRQ), quản lý dự trữ và điều chỉnh các khuyến khích sử dụng ruộng lúa, với mức độ can thiệp tăng mạnh trong giai đoạn 2024–2025 nhằm đối phó áp lực giá cao và bảo đảm ổn định nguồn cung.

Úc

Theo Báo cáo Cây trồng Úc tháng 12/2023 của Cục Kinh tế & Khoa học Nông nghiệp – Tài nguyên Úc (ABARES), sản lượng lúa trong niên vụ 2025–26 dự kiến giảm mạnh xuống chỉ còn 178.000 tấn, tương đương mức giảm 66%, chủ yếu do diện tích gieo trồng tại bang New South Wales — khu vực trồng lúa chính của cả nước đã sụt giảm 64%.

Tình trạng khô hạn kéo dài, hạn chế phân bổ nguồn nước, và chi phí tưới tiêu cao khiến cây lúa kém cạnh tranh hơn so với các cây trồng vụ hè thay thế như cao lương. Dù tiềm năng năng suất vẫn còn lớn, sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nước đã khiến diện tích gieo trồng giảm xuống mức thấp nhất kể từ niên vụ 2019–20, dẫn đến một trong những mức sản lượng lúa thấp nhất của Úc trong nhiều năm gần đây.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 453 USD/tấn, giảm 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 16 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 253 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Argentina, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 403 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 10 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 286 USD/tấn so với một năm trước.

Brazil, giá gạo 5% tám hiện được báo giá khoảng 462 USD/tấn, giảm khoảng 1 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 286 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ, giá gạo 4% tám hiện được báo giá khoảng 565 USD/tấn, giảm khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 17 USD/tấn so với một tháng trước, và giảm khoảng 194 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Châu Âu

Tính đến ngày 30/11/2025, trong niên vụ 2025/26 của EU (1/9/2025 – 30/11/2025), nhập khẩu gạo giảm 29% xuống còn 241.844 tấn so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhập gạo xát và gạo lứt giảm, trong khi xuất khẩu tăng 19% lên 66.164 tấn, trong đó gạo japonica (43.477 tấn), gạo indica (198.368 tấn).

Các nguồn cung chính tiếp tục là các nước Miến Điện, Ấn Độ, và Campuchia chiếm 62% tổng lượng nhập khẩu. Ngược lại, Vương quốc Anh, Thụy Sĩ và Belarus là thị trường xuất khẩu lớn nhất của EU.

Châu Phi

Cập nhật mới nhất của Hệ thống Thông tin và Cảnh báo sớm Toàn cầu về Lương thực và Nông nghiệp (FAO GIEWS) cho thấy sản lượng gạo của **Ai Cập** năm 2025 đạt khoảng 6,5 triệu tấn, cao hơn khoảng 10% so với mức trung bình 5 năm, nhờ mở rộng diện tích trồng và giống lúa cải tiến. Tuy vậy, quốc gia này vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu ngũ cốc, với nhu cầu niên vụ 2025/26 dự báo ở mức 22,6 triệu tấn, khiến thị trường trong nước dễ bị tác động bởi biến động giá toàn cầu.

Giá gạo nội địa đến tháng 9/2025 chỉ tăng 4–5% so với cùng kỳ, nhờ nguồn cung ổn định và các chương trình trợ giá. Tuy nhiên, tình trạng mất an ninh lương thực vẫn tồn tại đối với hơn một triệu người tị nạn, do thiếu hụt nguồn tài trợ khiến hoạt động hỗ trợ nhân đạo gặp khó khăn. Chính sách của Chính phủ tiếp tục ưu tiên tăng tự chủ ngũ cốc, đặc biệt là lúa mì và gạo, thông qua việc áp dụng giá thu mua hấp dẫn, cải thiện nguồn vật tư nông nghiệp, và duy trì các chương trình trợ cấp cho người tiêu dùng.

Trung Đông

Jordan không sản xuất gạo do khí hậu khô hạn, thiếu nước nghiêm trọng và đất đai không phù hợp, khiến quốc gia này phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu.

Theo báo cáo gần đây của USDA, nhu cầu tiêu thụ trong nước vẫn ổn định vì gạo là lương thực thiết yếu trong các món ăn truyền thống như Mansaf và Maqlouba. Tổng tiêu thụ gạo được dự báo đạt 280.000 tấn trong niên vụ 2025/26, với nhu cầu tăng theo mùa trước tháng Ramadan.

Nhập khẩu dự kiến đạt 275.000 tấn, trong đó Hoa Kỳ cung cấp khoảng 70.000 tấn gạo hạt trung, còn Ấn Độ chiếm ưu thế trong phân khúc gạo hạt dài, nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với các món ăn mang phong cách vùng Vịnh. Toàn bộ hoạt động mua và phân phối gạo đều do khu vực tư nhân thực hiện.

Tồn kho gạo duy trì ở mức khiêm tốn — ước đạt 39.000 tấn đầu vụ và 34.000 tấn cuối vụ 2025/26. Chính phủ khuyến khích duy trì tồn kho đệm để đáp ứng nhu cầu tăng theo mùa, mặc dù gạo không nằm trong danh mục dự trữ chiến lược của nhà nước, và các hạn chế xuất khẩu vẫn được duy trì nhằm bảo vệ nguồn cung trong nước.

Theo báo cáo mới nhất của USDA, **Ấn Độ** chỉ sản xuất khoảng 500 tấn gạo Hasawi truyền thống mỗi năm, khiến quốc gia này gần như phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu. Nhập khẩu gạo khoảng 1,15 triệu tấn trong giai đoạn tháng 1–7/2025 và được dự báo lên tới 1,62 triệu tấn trong niên vụ 2025/26, trong đó Ấn Độ là nhà cung cấp lớn nhất, tiếp theo là Pakistan, Hoa Kỳ, Úc và Thái Lan.

Tiêu thụ gạo tiếp tục tăng nhẹ khoảng 2%, được thúc đẩy bởi nhu cầu hộ gia đình tăng, du lịch, lao động nhập cư và giá gạo thấp hơn, với tổng tiêu thụ dự kiến đạt 1,63 triệu tấn trong niên vụ 2025/26. Tồn kho được duy trì ở mức an toàn, ước đạt 608.000 tấn, nhờ Cơ quan An ninh Lương thực (GFSA) phối hợp với các nhà nhập khẩu tư nhân trong việc duy trì lượng dự trữ bắt buộc tại kho.

Giá bán lẻ khác nhau tùy theo nguồn gốc, trong đó gạo Basmati thường có mức giá cao nhất. Chính sách của Chính phủ tập trung vào an ninh lương thực dựa trên nhập khẩu, duy trì dự trữ chiến lược, đa dạng hóa nguồn cung, ổn định giá, và bảo đảm khả năng tiếp cận các loại gạo chất lượng cao được người tiêu dùng ưa chuộng.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức khoảng 348 USD/tấn, tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, giảm khoảng 4 USD/tấn so với tháng trước và giảm khoảng 105 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá gạo đỏ 5% tăng do nhu cầu mạnh và nguồn cung hạn chế khi các nhà xay xát phải hoàn tất đơn hàng hợp đồng trước khi tham gia hạn ngạch mới.

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), xuất khẩu đã tăng mạnh sau khi nới lỏng các lệnh hạn chế xuất khẩu, đạt 22,8 triệu tấn trong niên vụ 2024/25, và dự kiến tăng lên 25 triệu tấn trong năm tới. Tồn kho quốc gia vẫn ở mức rất cao, tăng lên gần 48 triệu tấn do thu mua kỷ lục và tốc độ xuất kho để phân phối qua chương trình trợ cấp của chính phủ chậm, tiếp tục gây sức ép làm giảm giá nội địa. Các chính sách hiện tập trung vào quản

lý nguồn cung dư thừa thông qua phân phối phức lợi, chuyển hướng sang ethanol, quy định xuất khẩu linh hoạt và duy trì hỗ trợ nông dân thông qua mức Giá Hỗ trợ Tối thiểu (MSP) cao cùng hoạt động thu mua quy mô lớn.

Thị trường basmati duy trì ổn định nhờ nhu cầu từ Trung Đông và EU.

Thái Lan

Hoạt động giao dịch trên kết thúc tuần khá trầm lắng do nước này có kỳ nghỉ lễ Quốc khánh 5/12. Giá gạo trắng và gạo đỏ có xu hướng tăng do nguồn cung hạn chế. Giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức khoảng 367 USD/tấn, tăng lần lượt 20 USD/tấn so với tuần trước và 34 USD/tấn so với tháng trước, tuy nhiên giảm 105 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Biến đổi khí hậu gần đây ảnh hưởng đến nguồn cung gạo Hom Mali.

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo niên vụ 2025/26 của Thái Lan được dự báo giảm nhẹ xuống 20,48 triệu tấn do ảnh hưởng lũ lụt gây thiệt hại khoảng 150.000 ha, tuy nhiên, lượng nước trong các hồ chứa dồi dào vẫn đảm bảo cho việc canh tác vụ ngoài mùa diễn ra ổn định. Xuất khẩu dự báo giảm mạnh trong năm 2025, trong giai đoạn tháng 01–9/2025 đã giảm 23% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do xuất khẩu gạo trắng sụt giảm mạnh, mặc dù tổng lượng xuất khẩu cả năm vẫn dự kiến đạt 7,5 triệu tấn. Tồn kho cuối kỳ dự kiến tăng lên 3,92 triệu tấn do xuất khẩu giảm và Chính phủ tăng cường dự trữ. Giá lúa nội địa giảm trong suốt năm 2025 do chịu áp lực từ nguồn cung lớn và nhu cầu chậm lại.

Miền Điện

Thị trường ghi nhận xu hướng tăng giá do nguồn cung hạn chế và các nhà xay xát hiện đang tạm ngưng chào giá để quan sát thị trường. Tình hình chính trị trước thêm bầu cử (được dự kiến diễn ra vào cuối tháng 12/2025) và biến động tỷ giá khiến các thương nhân thận trọng khi giao dịch, chờ và quan sát thị trường.

Pakistan

Hoạt động thị trường gạo tuần qua được ghi nhận biến động trái chiều. Giao dịch gạo trắng hạn chế do giá chào bán cao và nhu cầu quốc tế yếu. Nguồn tin cho biết hoạt động tại Iran chậm lại và biên giới với Afghanistan hiện đang đóng. Nhu cầu nội địa mua gạo làm thức ăn chăn nuôi giảm.

Thị trường basmati duy trì ổn định nhờ nhu cầu tích cực từ châu Âu và Trung Đông cùng với giá nội địa cao.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	02 - 12	03 - 12	04 - 12	05 - 12	08 - 12
Trung Quốc (CNY/USD)	7,07	7,07	7,06	7,07	7,07
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,86
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	16.604,23	16.622,55	16.605,23	16.650,79	16.668,95
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,13	4,13	4,12	4,11	4,11
Philippines Peso (PHP/USD)	58,47	58,72	59,02	59,05	58,96
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.468,00	1.469,31	1.466,29	1.473,33	1.474,22
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	155,29	155,95	155,17	154,91	155,33
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	89,61	89,94	90,17	89,80	89,95
Miến Điện (MMK/USD)	2.100,26	2.099,94	2.099,90	2.099,94	2.100,03
Pakistan Rupees (PKR/USD)	282,47	282,57	281,28	282,03	280,37
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,00	32,09	31,91	32,00	31,89
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.432,80	26.374,66	26.389,06	26.360,55	26.353,00

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 08/12/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

+ Vụ Thu Đông 2025: xuống giống được 638 ngàn ha, thu hoạch được 438 ngàn ha với năng suất khoảng 57,77 tạ/ha, sản lượng ước đạt 2,53 triệu tấn lúa.

+ Vụ Mùa 2025-2026: xuống giống được 175 ngàn ha, bắt đầu thu hoạch được 10 ngàn ha.

+ Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 275 ngàn ha/1,266 triệu ha đã đạt 20,3% diện tích kế hoạch.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/11 đến 30/11/2025 đạt 374.288 tấn, trị giá 190,142 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 46,79% và về trị giá giảm 57,06%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến 30/11/2025 đạt **7,535 triệu tấn**, trị giá **3,851 tỷ USD**, so với cùng kỳ 2024 giảm 10,88% về số lượng và giảm 27,37% về trị giá.

*** Thị trường xuất khẩu tháng 11/2025:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Chiếm (%)
Ivory Coast	71.534	29.692.557	19,11%
Malaysia	57.632	24.611.505	15,40%
China	57.003	27.357.240	15,23%
Philippines	43.363	24.416.094	11,59%
Ghana	38.923	21.615.796	10,40%
United Arab Emirates	7.564	4.691.102	2,02%
Mozambique	6.542	3.495.477	1,75%
Singapore	5.850	3.463.582	1,56%
Indonesia	4.853	2.145.243	1,30%
Hongkong	4.192	2.480.598	1,12%
Australia	4.005	2.912.175	1,07%
Saudi Arabia	3.762	2.311.586	1,01%
United States of America	2.061	1.639.743	0,55%
Campuchia	1.782	1.057.754	0,48%
Poland	912	577.549	0,24%
Senegal	860	306.600	0,23%
Russia	557	278.353	0,15%
Netherlands	544	353.194	0,15%
Taiwan	525	274.093	0,14%
South Africa	461	319.445	0,12%
France	326	226.240	0,09%
Spain	187	163.339	0,05%
Tanzania	156	98.878	0,04%
Turkey	132	95.070	0,04%
Ukraine	127	92.903	0,03%
Bangladesh	110	66.297	0,03%
Angola	73	29.160	0,02%
Brunei	22	22.726	0,01%
<i>Các nước khác</i>	<i>50.294</i>	<i>29.073.079</i>	<i>13,44%</i>
TỔNG CỘNG	374.288	190.141.746	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/12 – 08/12/2025 có 3 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 13.000 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Andromeda	HCM	02/11/2025	27.000	Châu Phi

Bản tin 1534 (Từ Ngày 02/12/2025 Đến Ngày 08/12/2025)

2	Dubai Crown	HCM	22/11/2025	50.000	Châu Phi
3	Tân An 01	Mỹ Thới	25/11/2025	4.500	Philippines
4	Hòa Bình 45	HCM	27/11/2025	4.800	Malaysia
5	Quang Minh 6	HCM	04/12/2025	4.500	Malaysia
6	Hà Đông	HCM	06/12/2025	4.000	Malaysia
7	Quang Minh 5	HCM	08/12/2025	4.500	Malaysia
Tổng				99.300	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	04/12	+/-	04/12	+/-	04/12	+/-	04/12	+/-	04/12	+/-	04/12	+/-	04/12	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	5.350	-	5.500	+100	5.750	+300	5.550	-	5.575	+175	6.450	+200	6.450	+200	6.450	5.804
Lúa thường	5.150	-	5.250	+200	5.450	+200	5.300	+50	5.350	+300	5.450	+200	5.250	-	5.450	5.314
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	6.750	-	6.750	+100	7.100	+350	6.750	-	6.750	+200			7.950	+200	7.950	7.008
Lúa thường	6.550	-	6.450	+200	6.550	+250	6.500	+50	6.550	+300			6.550	-	6.550	6.525
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	7.950	-	8.350	+100	8.350	+100	8.350	+100	8.350	+250			9.250	-	9.250	8.433
Lứt loại 2	7.850	-	7.650	-200	7.725	-25	7.650	-	7.650	+50	7.850	-	7.750	-100	7.850	7.732
Xát trắng loại 1			9.600	+450			9.250	+400	9.250	+600	10.050	+200	10.050	+200	10.050	9.640
Xát trắng loại 2			8.950	-			9.050	+100	9.050	+100	9.050	+100	8.650	+100	9.050	8.950
Phu Phẩm																
Tám 1/2	7.450	-	7.400	-	7.450	-50	7.325	+25	7.450	+75	7.450	-50	7.450	-	7.450	7.425
Tám 2/3			7.300	-	7.450	-			7.375	+75			7.150	-	7.450	7.319
Tám 3/4	7.250	+200	7.200	-	7.250	-250									7.250	7.233
Cám xát	6.050	-700	6.850	-50	6.200	-1150	6.350	-500	6.350	-450	6.850	-500	6.450	-200	6.850	6.443
Cám lau	6.050	-700	6.775	-25	6.200	-500	6.350	-500	6.350	-450	6.775	-75	6.550	-200	6.775	6.436
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	9.100	-	9.350	-	9.000	+300	9.100	+100	9.000	-	9.350	-	9.350	+100	9.350	9.179
10%			9.250	-					8.800	-					9.250	9.025
15%	8.900	-	9.150	-	8.800	+300	8.900	+100	8.600	-	9.150	-	8.950	+100	9.150	8.921
20%									8.300	-					8.300	8.300
25%	8.700	-	8.450	-	8.600	+300	8.700	+100	8.000	-	8.700	-	8.650	+100	8.700	8.543
